

BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH

Biên soạn: HUYỀN THANH

Bạch Tản Cái Phật Đỉnh có tên Phạn **Sitātapatra-uṣṇīṣa** (dịch âm là Tát đất bát đất la Ô Sắt Nị Sa) hay **Uṣṇīṣa-sitātapatra** (dịch âm là Ô Sắt Nị Sa Tát đất đa bát đất la). Dịch nghĩa là Bạch Tản Phật Đỉnh, Tản Cái Phật Đỉnh, Tản Phật Đỉnh, Bạch Tản Cái Phật Đỉnh.



Bạch Tản Cái Phật Đỉnh là cái lọng màu trắng của Phật Đỉnh, biểu thị cho Đức Tính **Đại Bi trắng tinh của Phật**

Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Kinh có ghi: “Lúc bấy giờ Đức Phật Thích Ca hiện thân thành **Phật Đỉnh Vương** (Uṣṇīṣa-rājan) đứng dưới cái lọng trắng, thân hình giống như một cái lọng trắng che trùm cả 3 ngàn Đại Thiên Thế Giới này”

Do Đức Tính Từ Bi tươi trắng của Phật mà Bạch Tản Cái Phật Đỉnh còn biểu thị cho sự **Dùng Tinh Đức của Phật che trùm tất cả Tam Giới**)

Trong Mật Giáo, **Phật Đỉnh Tôn** (Uṣṇīṣa-śpaskatā) là các Tôn Hình biểu hiện cho sự tối thắng của **Phật Trí** (Buddha-jñāna) thông qua hình thái **Chuyển Luân Vương** (Cakravartin) thống lãnh 4 Châu thiên hạ do Đức Thích Ca Như Lai nhập vào **Chuyển Luân Vương Tam Ma Địa** (Cakravarti-rāja-samādhi) mà thị hiện. Các Tôn này được bố trí ở bên trái và bên phải của Viện Thích Ca trong **Thai Tạng Giới Mạn Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala). Phía trái có 5 Tôn gọi là Ngũ Phật Đỉnh biểu thị cho 5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai, hay 5 Tôn này biểu thị cho Công Đức của **Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng** (Tướng nhục kế của Như Lai không thể thấy biết được)

Trong Viện này, **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh** biểu thị cho mọi tướng của Như Lai, dùng cái lọng Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh làm Bản Thệ, có tướng mạo Bồ Tát rất vui vẻ đoan nghiêm. Thân hình màu vàng. Tay trái cầm hoa sen, trên sen có cái

lọng màu trắng. Tay phải hơi gập cánh tay co đều 5 ngón ngang vai, ngón cái vịn đầu ngón trỏ. Ngồi Kiết Già trên tòa sen màu đỏ.



Về ý nghĩa của màu sắc thì:

.) Màu trắng tượng trưng cho Tâm tinh sạch, thường dùng để tu Pháp Tịch Tai (Śāntika_ Tức Tai)

.) Màu vàng tượng trưng cho Phước Đức, thường dùng để tu Pháp Tăng Ích (Puṣṭika)

.) Màu đỏ tượng trưng cho Uy Đức, thường dùng để tu Pháp Hàng Phục hay Giáng Phục (Abhicāruka)

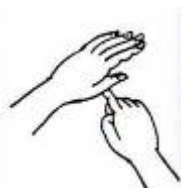
Tam Muội Gia Hình của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh là cái lọng trắng đặt trên hoa sen, biểu thị cho Bản Nguyên **Dùng tàn lọng Từ Bi trắng tươi để che chở cho chúng sinh**



Mật Hiệu của Ngài là **Đị Tướng Kim Cương**

Chủng Tử của Ngài là LAM (𑖀) có ý nghĩa là **Ánh sáng Trí Tuệ che trùm Pháp Giới chúng sinh** đồng thời chữ LAM cũng biểu thị cho chân nghĩa **Vô Tướng chẳng thể đặc** hoặc **Tất cả Pháp Tướng chẳng thể đặc**

Tướng Ấn là **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn**: Chưởng trái hơi mở các ngón tay rồi úp chưởng xuống. Tay phải nắm thành quyền, dựng đứng ngón trỏ chỉ vào tâm lòng bàn tay trái thành hình cái lọng



Theo Truyền Thống của Mật Giáo Tây Tạng thì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh được thờ phụng dưới hình thức Bạch Tản Cái Phật Mẫu.

Đức Dalai Lama đời thứ 7 (1708 _ 1757) ghi nhận Tôn Tượng có 3 mặt 6 tay. Mỗi một mặt đều có 3 mắt. Mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh dương, mặt bên trái màu đỏ. Ba tay bên phải lần lượt cầm cái lọng, mũi tên, móc câu. Ba tay bên trái lần lượt là: Kết Ấn Phần Nộ, cầm cây cung, cầm cây kiếm. Tóc kết thành một búi ngay trên đỉnh đầu, thân đeo mọi loại trang sức quý báu, mặc quần áo lụa mềm mại, ngồi Kiết Già ở chính giữa vòng hào quang trong suốt sáng rực.



- .) Tay cầm cái lọng: biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh
- .) Tay cầm mũi tên: biểu thị cho Pháp bắn các chương ác của chúng sinh khiến cho họ tìm được bạn tốt lành
- .) Tay cầm móc câu: biểu thị cho nghĩa hô triệu Thiện Thần Long Vương thường ủng hộ
- .) Tay kết Ấn phần nộ: biểu thị cho nghĩa giáng phục tất cả Ma Oán
- .) Tay cầm cây cung: biểu thị cho nghĩa giúp cho chúng sinh thành tựu sự nghiệp
- .) Tay cầm cây kiếm: biểu thị cho Trí Tuệ cắt đứt tất cả phiền não

Truyền Thống khác ghi nhận Tôn Tượng Bạch Tán Cái Phật Mẫu có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt, tóc kết thành một búi trên đỉnh đầu, có các vật báu trang sức. Thân khoác áo lụa mỏng, mặc quần lụa thêu hoa văn, có 8 tay. Bốn tay bên phải theo thứ tự cầm cái lọng, chày Tam Cổ Kim Cương, mũi tên, móc câu. Bốn tay bên trái theo thứ tự cầm cái bình báu, bánh xe 8 cãm, cây cung, sợi dây



- .) Tay cầm cái lọng: biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh
- .) Tay cầm chày Tam Cổ Kim Cương: biểu thị cho sự giáng phục tất cả Nội Ma, Ngoại Ma, Tâm Ma
- .) Tay cầm mũi tên: biểu thị cho Pháp bắn các chương ác của chúng sinh khiến cho họ tìm được bạn tốt lành
- .) Tay cầm móc câu: biểu thị cho nghĩa hô triệu Thiện Thần Long Vương thường ủng hộ
- .) Tay cầm cái bình báu: biểu thị cho sự rưới Cam Lộ tràn khắp, ban Phước cho chúng sinh
- .) Tay cầm bánh xe tám cãm: biểu thị cho nghĩa phát Tâm Bồ Đề, được Bất Thoái Chuyển và trừ dứt nghiệp luân hồi
- .) Tay cầm cây cung: biểu thị cho nghĩa giúp cho chúng sinh thành tựu sự nghiệp
- .) Tay cầm sợi dây: biểu thị cho sự trừ khử sự sợ hãi khiến cho được an ổn



Chân Ngôn thường dùng để xưng tụng 2 Tôn Tượng trên là:
OM SARVA TATHAGATOŚNĪṢA SITĀPATRE (Quy mệnh Nhất Thiết
Nư Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪM PHAT (Khủng bố phá bại)
HŪM (Tâm Bồ Đề) MAMA (Tôi) HŪM (Hộ vệ) NI (Danh tướng tốt đẹp)
SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)





Ngoài ra các vị Đạo Sư Tây Tạng còn truyền dạy Tôn Tượng Thiên Thủ Thiên Diện Bạch Tản Cái Phật Mẫu với thân hình màu vàng, cỡi trần chỉ quấn các dải lụa màu trắng và màu xanh vòng qua vai buông rũ quanh thân. Hạ thể mặc quần lụa 5 màu: hồng, xanh lá cây lợt, đỏ, xanh dương, vàng đất có điểm hoa văn. Đeo 3 chuỗi anh lạc rũ quang cổ, ngực, bụng. Các tay đều đeo vòng xuyên, các tai đều đeo vòng khuyên. Hai tay co trước ngực, tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái cầm cây lọng trắng. Các tay còn lại đều bao quanh thân thành những vòng tròn, mỗi cánh tay đều có một con mắt. Một ngàn mắt, mỗi mắt đều có 3 mắt. Mắt chính giữa hơi nghiêng đầu về bên phải, bên trái có 2 mắt, bên phải có 2 mắt. Các đầu còn lại theo thứ tự từng cái một chồng lên cao từ đỉnh đầu của mặt chính. Thân đứng duỗi chân phải, co đầu gối chân trái, cả 2 chân đều đạp trên các loại chúng sinh và tất cả đều ở trên tòa sen nhiều màu. Chung quang Tôn Tượng đều rực lửa thành hào quang bầu dục có đỉnh nhọn.



Chân Ngôn thường dùng để xưng tụng Tôn Tượng này là:

OM_ SITĀTAPATRE PARĀJITE (Quy mệnh Bạch Tản Cái Năng Thắng)
SARVA GRAHAM (Tất cả các Chấp) TRĀŚAYA TRĀŚAYA (3 nơi cư trú) HANA
HANA (Đánh đập) TRŪM TRŪM (chúng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra
tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**) HŪM HŪM (Khủng bố) PHAT PHAT (Phá
bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

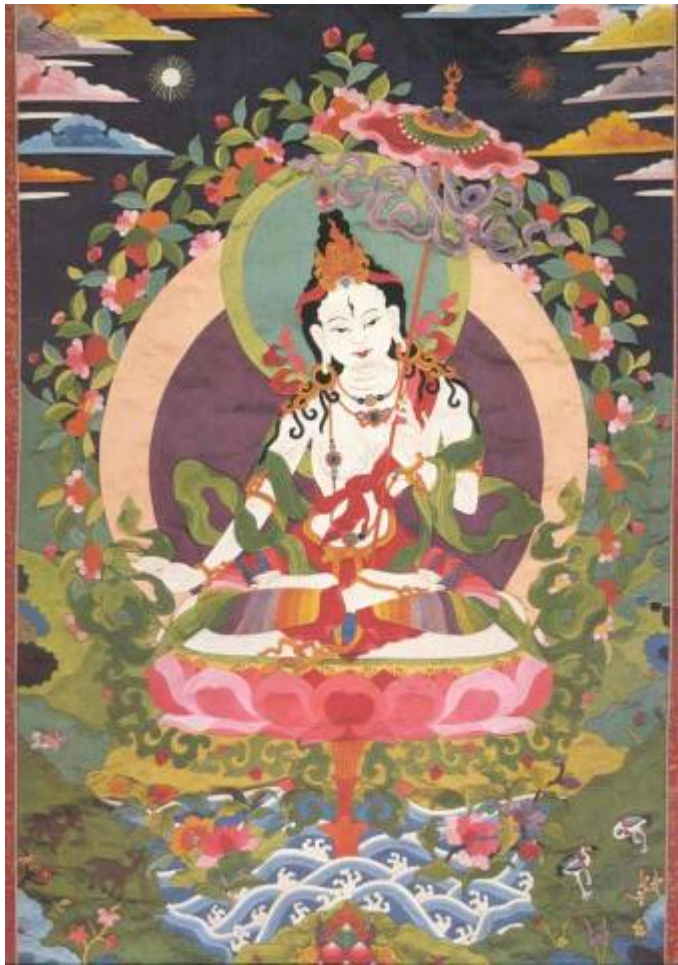
Kinh **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni** ghi nhận rằng: “**Bạch Tản Cái Phật Mẫu** (Sitātapatra-buddha-mātrī) có một mặt 2 tay và 3 con mắt, ngồi theo thế Kim Cương Già Phu, tay phải tác Vô Bồ Úy Ấn, tay trái cầm cái lọng trắng để ngang ngực, nghiêm sức bằng mọi thứ Anh Lạc. Thân màu trắng tinh khiết như ánh mặt trời chiếu soi trên núi Tuyết, có đủ tướng vui vẻ, hiện **Vô Tự Tính** (Không có Tự Tính)”



.) Thân màu trắng: biểu thị cho nghĩa dùng **Tịnh Đức của Đức Phật** che trùm khắp ba cõi

.) Tay cầm cái lọng: biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh

.) Tay tác **Vô Bồ Úy Ấn**: biểu thị cho nghĩa giúp cho chúng sinh không còn sự sợ hãi



Do trong quyển thứ 7 của Bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm có ghi nhận bài **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni** (Mahā-sitātapatroṣṇīṣa-dhāraṇī) thường gọi là **Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** (Sūraṃgama-mantra) kèm theo phương cách xây dựng Đạo Trường (Mandala), công năng lợi ích và lời thề nguyện ủng hộ giúp đỡ người tu hành của các vị Kim Cương, các vị Trời, các vị Thần, các vị Quý Vương.... Nên một số Bạch Đạo Sư đã dùng bài Chú này làm pháp tu hành cho mình và giòng phái của mình, đồng thời mở rộng thành pháp tu cho người khác, nổi bật nhất là Khóa Tụng buổi sáng **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú** được nhiều người tuân thủ tu hành.

Theo Hòa Thượng LINH NGHIÊM thì bài **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni** này được kết hợp bởi 5 Phật Đỉnh nên có thể dùng 5 Ấn Chú của 5 Phật Đỉnh để gia trì Pháp Lục

1) **Kim Luân Phật Đỉnh Ấn:** Kèm 2 bàn tay dựng thẳng đứng, co 2 ngón cái (2 lòng tay ngang bằng nhau) sao cho đầu ngón dính nhau ở trong lòng bàn tay.



Đặt Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn là:

Bột-lỗ Ấn

ॐ

BHRŪṂ

2) **Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh Ấn:** Hai tay kết Hư Tâm Kim Cương Hợp Chương như hoa ở ngay trong chương, tụng Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án Sa nguyệt-la vạt để, án, hồng

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ CAKRA VARTTI – OM HŪṂ

3) **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn:** Hai ngón cái vịn trên 2 móng ngón vô danh cùng hợp nhau, co 2 ngón trở như hình cái lọng, hơi co 2 ngón giữa lại.



Chân Ngôn là:

Án Ma ma nặc

ॐ मम निः

OM_ MAMA NIḤ

3 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Thiên Trúc Đại Sư TUẤN BIỆN:
OM ANALE ANALE VISUDDHE VISUDDHE VIRA VAJRADHĀRI
BANDHA BANDHA VAJRAPĀṆI PHAT HŪM HŪM PHAT PHAT
HŪM TRŪM PHAT SVĀHĀ

4 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Ngài Bát Lạt Mật Đê (Bản Phổ Thông):
OM ANALE VISUDDHE VAIRA VAJRADHĀRI BANDHA
BANDHANI VAJRAPĀṆI PHAT HŪM BHRŪM (? HŪM TRŪM) PHAT
SVĀHĀ

5 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Ngài Bát Lạt Mật Đê (Bản ghi trong Kinh Lăng
Nghiêm trong Mật Tạng Bộ 2) :
OM ANALE VISUDHE VAIRA VAJRADHĀRI BANDHA
BANDHANI VAJRAPĀṆI PHAT HŪM TRŪM SVĀHĀ
OM HŪM VISUDDHE SVĀHĀ

6 _ Riêng phần Chân Ngôn trong cuối bản Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La
Ni do Đức Phật Sống NẶC NA truyền thụ thì có nhiều nét sai khác với Chân Ngôn do
các Ngài SA BA LA và TUẤN BIỆN truyền dạy. Chân Ngôn ấy là :

TADYATHĀ: OM ANALE ANALE KHASAME KHASAME VAIRE
VAIRE SOME SOME ŚANTA ŚANTA DĀNTE DĀNTE VIṢADE
VIṢADE VĪRI VĪRI DEVI VAJRADHĀRI BANDHA BANDHANI
VAJRAPĀṆI PHAT

OM HŪM HŪM TRŪM ṢṬOM PHAT SVĀHĀ
HŪM TRŪM BANDHA PHAT VADAGALA ŚRUTA ŚIG SVĀHĀ
OM VAJRAPĀṆI BANDHA BANDHA VAJRA PRAŚENĀ MAMA
SARVA DUṢṬOM VINAYAKA HŪM HŪM PHAT PHAT SVĀHĀ

Tuy nhiên Đức Phật Sống NẶC NA lại truyền dạy bài Lăng Nghiêm Tâm Chú ở
nơi khác như sau:

TADYATHĀ: OM ANALE ANALE VISUDDHE VISUDDHE VIRE
VIRE SOME SOME VAJRADHĀRIṆĪ CCHINDHA CCHINDHA
BHINDHA BHINDHA VAJRAPĀṆI HŪM PHAT SVĀHĀ
HŪM TRŪM BANDHA PHAT SVĀHĀ

Qua sự khảo cứu các bản truyền thừa trên, ta nhận thấy Chủng Tử của Tâm Chú
Lăng Nghiêm được truyền dạy ở Tây Tạng là HŪM TRŪM , còn truyền thừa ở Trung
Hoa và Nhật Bản là HŪM BHRŪM

Nếu căn cứ vào bản phiên âm của Trong Hoa và Nhật Bản là **Hổ-hồng, đô-lô-
ung** kèm với bài **Kim Cương Xí Thịnh Quang Minh Phật Đỉnh Luân Vương Tự
Tại Thập Tự Chân Ngôn**

NAMO VAIROCANĀYA (Quy y Đại Nhật) NAMO BHAGAVATE
UṢNĪṢĀYA (Quy y Thế Tôn Phật Đỉnh) ĀḤ (Đại Phật Đỉnh) TRŪM (Quang Tự Phật
Đỉnh) TRŪM (Phát Sinh Phật Đỉnh) DHRŪM (Tản Cái Phật Đỉnh) DRŪM (Thắng
Phật Đỉnh) HRŪM (Trừ Chướng Phật Đỉnh) ŚRŪM (Quảng Phật Đỉnh) BHRŪM (Tối
Thắng Phật Đỉnh) SRŪM (Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh) HŪM (Phổ Thông Phật Đỉnh)
BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA
BUDDHA BUDDHA BUDDHA (10 Phật Đỉnh)

Thì **Hổ-hồng, đô-lô-ung** chỉ có thể là bản phiên âm của HŪM TRŪM hoặc
HŪM DHRŪM. Tại sao các bậc Đạo Sư Mật Giáo ở Trung Hoa lại dùng 2 chủng tử

HŪM BHRŪM ? Phải chăng các Ngài đã dùng 2 chủng tử HŪM BHRŪM để nhấn mạnh nghĩa thú căn bản để tu chứng của Đà La Ni này ? ! ...

Nếu dựa vào ý nghĩa thì HŪM (𑖦) là chủng tử biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** hoặc **Sự Thành Tựu**

BHRŪM (𑖧) là chủng tử biểu thị cho **nơi quy thú của mọi Công Đức**.

ṬRŪM (𑖨) là chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

DHRŪM (𑖩) là chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra sự giữ gìn tàn lọng Từ Bi trắng tinh để che chở cho Chúng Sinh**

Khi đi liền nhau thì HŪM BHRŪM biểu thị cho nghĩa **Tâm Bồ Đề là nơi quy thú của mọi Công Đức**

HŪM ṬRŪM biểu thị cho ý nghĩa **Nhờ Tâm Bồ Đề mà Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

HŪM DHRŪM biểu thị cho ý nghĩa **nhờ Tâm Bồ Đề mà Tự Ngã phát sinh ra sự giữ gìn tàn lọng Từ Bi trắng tinh để che chở cho chúng sinh**

Theo ý kiến riêng của người soạn dịch thì **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** chính là **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni**. Trên căn bản thì Pháp tu trì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh chuyên về **Pháp Tức Tai** (Śāntika: Cách thức ngăn ngừa và dứt trừ mọi tai họa, tội chướng) nhằm hỗ trợ cho người tu Thiền Định mau chóng dứt trừ Nội Chướng và Ngoại Chướng mà thực chứng Trí Tuệ giải thoát. Ngài QUÁN NGUYỆT Pháp Sư cũng nhận định rằng: *“Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú có công năng điều trị mầm móng Ngũ Dục nhằm mau chóng hiện bày tính màu nhiệm của Như Lai Tạng”*. Nhưng muốn mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát thì không thể nào không biết cách phát khởi Tâm Bồ Đề và nuôi lớn Tâm Đại Bi như Kinh Đại Nhật, quyển 1 có ghi: *“Tâm Bồ Đề là Nhân, Bi là gốc rễ và Phương Tiện là Cứu Cánh”*. Do đó 2 chủng tử HŪM DHRŪM có thể thỏa mãn được tinh thần này. Hơn nữa DHRŪM lại là chủng tử của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh cho nên rất phù hợp với Pháp tu trì Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú.

Nói theo cách khác. Như chúng ta đã biết sự truyền thừa Chính Pháp Giải Thoát của Phật Giáo được biến đổi hình thức giảng dạy cho phù hợp với căn cơ của từng người, từng địa phương miễn là thật sự giúp ích cho người đó, địa phương đó thâm nhập chứng ngộ được mùi vị giải thoát. Vì Tây Tạng là xứ của Quý Thần nên tâm Kiêu Mạn ham thích Thần Thông rất phát triển và khó cải hóa nên các Bậc Đạo Sư cần phải dùng chủng tử HŪM ṬRŪM để đánh phạt và nhắc nhở. Còn ở Trung Hoa, vốn đã có nền văn hóa phát triển, dân cư đông đúc kèm với sự phát triển của 2 Đạo: Khổng và Lão nên đại đa số chúng sinh ở vùng này ưa thích ham chuộng các Công Đức tối thắng siêu việt nên các Bậc Đạo Sư dùng chủng tử HŪM BHRŪM cũng như sắp đặt lại thứ tự quy kính các Tôn trong Bài Đà La Ni để khuyến tấn. Đây cũng là lý do cho chúng ta nhận thấy bản Chú Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đế có cách sắp xếp thứ tự các Tôn rất phù hợp với Kinh Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni của Tây Tạng, còn bài Đại Phật Đỉnh Đà La Ni của Ngài Bát Không Tam Tạng thì sắp thứ tự các Tôn ngược lại. Vì Nhật Bản lại theo học Trung Hoa nên cũng thường dùng 2 chủng tử HŪM BHRŪM. Riêng chủng tử DHRŪM của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh không được phổ biến nên chỉ dùng để truyền thụ riêng cho một số người có căn tính thích hợp mà thôi.

Riêng Kinh **Đại Bạch Tản Cái Đà La Ni** có ghi nhận thêm 5 Tiêu Chú mà Thần Chú Lăng Nghiêm không có là:

1) Đại Bạch Tản Cái Phần Nộ Kim Cương Khiển Ma Ủng Hộ Chú :

TADYATHĀ (Liên nói Chú là) OM (Quy mệnh) ṢṬOM (Chủng tử) BANDHA BANDHA (Cột trói) MAMA (Tôi) RAKṢA RAKṢA MĀM (Ủng hộ thủ hộ tôi) OM (Nhiếp triệu) HŪM ṢṬOM (Chủng tử) _ BANDHA BANDHA (Cột trói) _ VAJRA MAMA (Đấng Kim Cương của tôi) RAKṢA RAKṢA MĀM (Ủng hộ thủ hộ tôi) _ VAJRAPĀṆIYE (Kim Cương Thủ Đấng) HŪM PHAṬ (Khủng bố phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

2) Đại Bạch Tản Cái Thường Hằng Trì Tâm Chú:

OM SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) AVĀLOKITEC (Tuân theo sự quán chiếu) URNATE (Bạch Hào tướng) JVALASĪ (Quang Minh)

OM (Nhiếp Triệu) JVALA JVALA (Phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy quang) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp) CCHINDHA CCHINDHA (Cắt đứt) BHINDHA BHINDHA (Xuyên thấu) HŪM HŪM (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú:**

Namo sarva-jñāya

Om tathāgatoṣṇīṣa (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrḍha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūṃ** (thành tựu) **jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūṃ phaṭ phaṭ svāhā]**

3) Đại Bạch Tản Cái Tăng Trưởng Thân (Gần gũi) Thân (Thể xác) Chú:

OM SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) HŪM (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

4) Đại Bạch Tản Cái Nhiếp Thọ Chú :

TADYATHĀ (Liên nói Chú là) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh thiêng) KHASAME KHASAME (Thôi thúc tôi, thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Tinh tiên dũng mãnh) SOME SOME (Rượu bất tử, sự tốt lành) SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA (Thần lực của tất cả chư Phật) ADHIṢṬATE (Gia tri) SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA SITĀTAPATRE (Tất cả Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪM (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

5) Đại Bạch Tản Cái Kiên Giáp Chú :

HŪM (Tâm Bồ Đề) MAMA HŪM (Hộ vệ cho tôi) NI (Danh tướng tốt đẹp) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

_ Bản ghi nhận của Ngài Tây Khang **Nặc Na** Hộ Đò Khắc Đò có đôi chỗ sai khác (Tham khảo ở phần Kinh Bản). Ngoài ra Ngài **Nặc Na** còn truyền thụ riêng bài **Lăng Nghiêm Trường Chú** là:

NAMO GURUBHYAḤ (Quy mệnh Thượng Sư Đấng)

NAMO BUDDHĀYA (Quy y Phật Đấng)

NAMO DHARMĀYA (Quy y Pháp Đấng)

NAMO SAṅGHĀYA (Quy y Tăng Đấng)

HŪM (Hộ vệ khắp) BHAGAVAN STHATHĀGATOṢṆĪṢA SITĀTAPATRAM (Xuất Hữu Hoại Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu) MAHĀ VAJROṢṆĪṢA MAHĀ-PRATIYUṆGIRE (Đại Kim Cương Đỉnh Kế Đại

Quỳnh Già Mẫu) SAHASRA ‘SIRSAI [Thiên diện (Đầu) Thánh Mẫu] KOTI-ŚATA-SAHASRA NETRE (Thiên Vạn Nhân Thánh Mẫu) ABHEMDYA JVALATA NAṬANAKA MAHĀ-VAJRODĀRA (Cụ Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu) TRBHUBANA MAṆḌALA (Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu)

ALAKṢNA GRAHĀ (Ma không có tướng) LAKṢNA GRAHĀ (Ma có tướng) PRACAḌAKRA BHAYA (Nạn do quân binh xú khác gây ra) RAKṢA RAKṢA MĀM SARVA SATVĀNĀMCA (Ứng hộ thủ hộ cho tôi và tất cả chúng sinh)

OM (Quy mệnh) AŚITA ANALARKA (Hào quang trắng rõ ràng) PRABHA SPHUṬAVIKA (Hiện hiện lửa tối trắng) SITĀTAPATRE (Bạch Tản Cái)

OM (Nhiếp triệu) JVALA JVALA (Phóng quang) KHĀDA KHĀDA (Ăn nuốt, tàn phá, tiêu hủy) HANA HANA (Đánh đập) DAHA DAHA (Thiêu đốt) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp) CCHINDHA CCHINDHA (Cắt đứt) BHINDHA BHINDHA (Xuyên thấu) HŪM HŪM (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

TADYATHĀ (Như vậy) OM (Nhiếp triệu) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh thiêng) KHASAME KHASAME (Thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Chống lại 2 loại chướng) SOME SOME (Cát tường) ŚĀNTI ŚĀNTI (Tịch tĩnh, bình yên) DĀNTE DĀNTE (Kiểm soát điều chỉnh) VIŚUDDHE VIŚUDDHE (Khiến cho thanh tịnh) VĪRE VĪRE (Tinh tiến dũng mãnh) DEVI (Thiên Nữ) VAJRADHĀRI (Kim Cương Trì Nữ) BANDHA BANDHA (Cột trói) VAJRAPĀṆI (Kim Cương Thủ) PHAṬ (Phá bại)

OM (Nhiếp triệu) HŪM HŪM (Thành tựu) TRŪM ṢṬOM (Chủng tử) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

HŪM TRŪM (Chủng tử) BANDHA (Cột trói) PHAṬ (Phá bại) VATAGALA (Nhìn xuống) ŚRUTA (Nghe biết) ŚĀŚIG (Nguyệt quang tối trắng) SVĀHĀ (Thành tựu)

OM SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA SITĀTAPATRE (Quy mệnh nhất thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪM (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) HŪM (Tâm Bồ Đề) MAMA HŪM (Hộ vệ cho tôi) NI SVĀHĀ (Quyết định thành tựu danh tướng tốt đẹp)

13/06/2013